

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 18/03/2019

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+P1	7:25	22+0	0+0		20+2	0+0	
2		P2+P5+P7	9:25	5+0+17	0+0+0		2+3+17	0+0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/03/2019	TO: TD2 - P1	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: HUNG - Vận - Năm	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HAI	TD2	67	1	6		78	KHOAN	Vietnamese
2	GROMOV S.A	TD2	73	1	10		85	KHOAN	Russian
3	TRẦN TRỌNG ANH	TD2	65	1	15		65	KHOAN	Vietnamese
4	TRƯỜNG THANH TÙNG	TD2	66	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN ANH TUẤN	TD2	57	1	4	80	65	KHOAN	Vietnamese
6	BUI TRUNG THỌ	TD2					70	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ ANH QUÂN	TD2	75	1	2		80	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH BÌNH	TD2	72	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH TÙNG	TD2	69	1	8		55	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM VĂN THẮNG	TD2	68	1	5		50	KHOAN	Vietnamese
11	VŨ MINH HAI	TD2	63	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ TRƯỞNG LAM	TD2	70-71	2	5		71	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM THANH GIANG	TD2	74	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
14	HOANG VĂN KHAI	TD2	64	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM VĂN CHAU	TD2	77	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
16	ĐOÀN VĂN LÂN	TD2	59	1	5		70	GETRACO	Vietnamese
17	LÊ PHÁT THỊNH	TD2	76	1	5		93	GETRACO	Vietnamese
18	BUI HỮU TRI	TD2	56	1	5		53	GETRACO	Vietnamese
19	VŨ THANH TIẾN	TD2	62	1	4		50	GETRACO	Vietnamese
20	NGUYỄN KIM HIỆU	TD2	61	1	7		62	GETRACO	Vietnamese
21	TRẦN VĂN CHINH	TD2	60	1	5		51	GETRACO	Vietnamese
22	PHAN VĂN HẬU	TD2	58	1	3		70	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	22	22	116	1.493	80	20		
2	P1	0	0	0	0	10	2		
TOTAL		22	22	116	1.493	90	22		
WEIGHT KG				116	1.493	90			

GRAND TOAL: 1.699 KGS

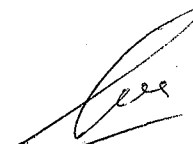
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/03/2019	TO: P2 - P7 - P5	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: HUNG - Vận - Năm	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VŨ QUANG LÂM	P2	04-05	2	10		60	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN NGỌC LƯƠNG	P2	03	1	10	40	75	XAYLAP	Vietnamese
3	LÊ TRỌNG DŨNG	P2	01	1	8		60	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN DUY HAO	P2	02	1	6		63	XAYLAP	Vietnamese
5	HỒ ANH QUỐC	P7	13	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN BA LƯỢNG	P7					65	KHOAN	Vietnamese
7	BUI NGỌC LÂM	P7	14	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
8	VŨ VĂN QUÝ	P7	02	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
9	VŨ VĂN DOANH	P7					70	KHOAN	Vietnamese
10	ĐO VĂN PHÂN	P7	03	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM VĂN KHOAN*PK-PVD	P7	11-12	2	11		55	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN QUANG HAO	P7	15	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN QUYẾT TIẾN	P7	04-05	2	10	17	85	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN CHÂN	P7	08	1	7		55	KHOAN	Vietnamese
15	PHAN TUÂN LONG	P7	19	1	7		63	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN QUỐC TUÂN	P7	10	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
17	QUÁCH VĂN CỬ	P7	01	1	8		67	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN ĐỨC HỒNG*PK-PVD	P7	16	1	8		80	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN XUÂN LỤC*PK-PVD	P7	17-18	2	12		95	KHOAN	Vietnamese
20	ĐOÀN TRỌNG TƯỜNG	P7	20	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ XUÂN TÂM	P7	06-07	2	15		67	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN QUÝ TÀI	P7	09	1	8		55	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	4	5	34	258	40	1		
2	P7	18	20	127	1.269	17	17		
3	P5	0	0	0	0	15	4		
TOTAL		22	25	161	1.527	72	22		
WEIGHT KG				161	1.527	72			

GRAND TOAL: 1.760 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LĐ VIỆT SOV PETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 19/03/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TTC2+TTC3+TD3	7:25	10+0+12	0+0+0		0+0+17	0+0+0	CHUYỂN 4 PAX TỪ TTC3-TD3
2		RP2+PVD6+RC4	7:25	4+18+0	0+0+0		0+19+1	0+0+0	
3		TD5+CTK3+BK10	7:25	22+0+0	0+0+0		16+5+0	0+0+0	CHUYỂN 1 PAX TỪ CTK3-BK10
4		P4+TD5	9:25	10+12	0+0		10+12	0+0	
5		TD1+P1-TD2	9:25	8+0+14	0+0+0		1+0+13	0+0+0	CHUYỂN 6 PAX TỪ TD1-TD2
6		P3+VSP01+PVD6	9:25	2+0+16	0+0+0		1+3+18	0+0+0	CHUYỂN 2 PAX TỪ VSP01- PVD6
7		P2+RP3	11:25	13+9	0+0		2+14	0+0	

TTDBSX

P2+P6

14h30.

20/03/19

(cơ sở cuối)

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/03/2019	TO: TTC2 - TTC3 - TD3	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Hạnh - MQUÂN	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐÌNH TRỌNG	TTC2	37	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG ĐÌNH TUÂN	TTC2	32	1	12		70	CODIEN	Vietnamese
3	LÊ VĂN DŨNG	TTC2	41	1	9		65	CODIEN	Vietnamese
4	PHẠM VĂN CHINH	TTC2	42-43	2	17	30	72	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN ANH TIẾN	TTC2	40	1	7		60	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐẶNG THANH SƠN	TTC2	31	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN PHI BANG	TTC2	33-34	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐÌNH THANG	TTC2	24	1	17		70	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC PHÁT	TTC2	35-36	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
10	THAI ĐỨC DŨNG	TTC2	38-39	2	17		89	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐẶNG VĂN HẠN	TD3	28	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN TRUNG HOA	TD3	22	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
13	ĐOÀN QUANG BÁC	TD3	21	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM HẢI ĐĂNG	TD3	20	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN TUÂN ANH	TD3	24	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ VĂN KHOA	TD3					72	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN LÊ KIẾN	TD3	25-26	2	5		75	KHOAN	Vietnamese
18	ĐỖ DUY CHINH	TD3					64	KHOAN	Vietnamese
19	KHUẤT QUANG KIẾN	TD3	27	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
20	VŨ HÙNG ANH	TD3	29	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
21	HA VĂN PHÚC	TD3					75	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN HÙNG	TD3	23	1	5		80	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

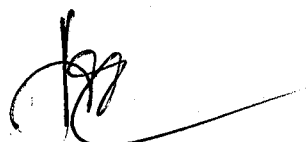
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	10	14	128	701	30	0		
2	TTC3	0	0	0	0	20	0	44	CHUYEN 04 PAX TU TTC3 SANG TD3
3	TD3	12	10	47	856	0	17		
TOTAL		22	24	175	1.557	50	17		
WEIGHT KG				175	1.557	50			

GRAND TOAL: 1.782 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/03/2019	TO: RP2 - PVD6 - RC4	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Khang - MTHAO - Trường	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MOHD IRWANIZA BIN ABU (PIGING CTC)	RP2	53-54	2	20	35	92	WESTERN	Malaysian
2	NGUYEN DINH QUOC BAO (PIGING CTC)	RP2	51	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN VO NGOC QUYNH	RP2	48	1	4		61	CODIEN	Vietnamese
4	PHAM THANH VINH (PIGING CTC)	RP2	52	1	8		68	NPI	Vietnamese
5	SYED SALIM BIN SYED TAHIR	PVD6	81-82	2	19	28	65	WESTERN	Malaysian
6	PAUL LAMBERT	PVD6	61-62	2	15		94	KHOAN	British
7	TURLIN ERWAN	PVD6	65	1	10	15	81	KHOAN	French
8	VO THANH TOAN	PVD6	63	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN THANH PHUONG	PVD6	78-79	2	12		65	KHOAN	Vietnamese
10	TRINH XUAN LIEM	PVD6	64	1	6		61	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN VAN HUNG	PVD6	72	1	7		64	KHOAN	Vietnamese
12	VU QUANG NHIEM	PVD6	73	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN MANH KIEN	PVD6	71	1	4		64	KHOAN	Vietnamese
14	LE NGOC HOA	PVD6	76	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
15	DUONG QUOC CONG	PVD6	75	1	8		72	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN NHU CHIEN	PVD6	70	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN MANH CUONG	PVD6	69	1	5		51	KHOAN	Vietnamese
18	VO XUAN TOAN	PVD6	68	1	4		76	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN HUU BINH	PVD6	66	1	8		55	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN DOAN SINH	PVD6	80	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
21	HUYNH TRONG PHUC	PVD6	77	1	8		60	KHOAN	Vietnamese
22	DAO VAN KHOI	PVD6	74	1	7		65	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	4	5	37	280	35	0		
2	PVD6	18	21	139	1.206	43	19		
3	RC4	0	0	0	0	40	1		
TOTAL		22	26	176	1.486	118	20		
WEIGHT KG				176	1.486	118			

GRAND TOAL: 1.780 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/03/2019	TO: TD5 - CTK3 - BK10	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: TTrung - Vậ - PTUẤN	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ THANH LAM	TD5	39	1	11		67	KHOAN	Vietnamese
2	ĐINH VĂN SỰ	TD5	35	1	2		77	KHOAN	Vietnamese
3	HỒ VĂN ANH	TD5	40	1	3		70	PSV	Vietnamese
4	HỒ HOÀN KIEM	TD5	30	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
5	BAO NGUYỄN LỘC	TD5	21	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN BÌNH	TD5	25-26	2	9		65	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN BA HOA	TD5	27	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN DUY ĐỨC	TD5	31	1	3		76	KHOAN	Vietnamese
9	TRỊNH ANH TRƯỞNG	TD5	33	1	6		64	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG NHẬT QUANG	TD5	22	1	5		57	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ VŨ NGỌC	TD5	32	1	8		72	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ VIỆT THẮNG	TD5	41	1	5		59	KHOAN	Vietnamese
13	MAI ĐẠI HAI	TD5	23	1	7		68	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM VĂN HẠNH	TD5	34	1	2	35	85	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ LONG	TD5	36-37	2	5		76	KHOAN	Vietnamese
16	QUÁCH THẾ ANH	TD5	44	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ XUÂN THẮNG	TD5	28-29	2	15		82	KHOAN	Vietnamese
18	DƯƠNG VĂN SƠN	TD5	20	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
19	VŨ ANH HIẾU	TD5	43	1	13		60	SCHLUMBE	Vietnamese
20	NGUYỄN HỮU TRIẾT	TD5	24	1	10		65	DVL	Vietnamese
21	NGUYỄN HÙNG DŨNG	TD5	38	1	10		75	DVL	Vietnamese
22	LƯU ĐÌNH TRỌNG	TD5	42	1	17		76	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	22	25	158	1.526	35	16		CHUYEN 01 PAX TU CTK3 SANG BK 10 01 NB DIEU PHAI CTK3
2	CTK3	0	0	0	0	40	5		
3	BK10	0	0	0	0	35	0		
TOTAL		22	25	158	1.526	110	21		
WEIGHT KG				158	1.526	110			

GRAND TOAL: 1.794 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/03/2019	TO: P4 - TD5	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:30
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Hạnh - MQUÂN	ETA: 11:10
XANH-2			

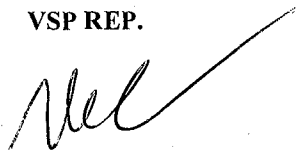
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN NHÂN HAI	P4	36	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
2	KAZIKOV	P4	42	1	10		100	ANTOAN	Russian
3	ĐỖ HOA VINH	P4					65	PSV	Vietnamese
4	ĐOÀN VĂN TUYỀN	P4	37	1	4		75	PSV	Vietnamese
5	PHẠM CÔNG ĐIỆN	P4				20	60	PSV	Vietnamese
6	LƯU ĐÌNH THAI	P4	35	1	4		58	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	P4	34	1	4		60	PSV	Vietnamese
8	TRẦN VĂN HẬU	P4	40	1	5		58	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN MINH VƯỢNG	P4	39	1	5		60	PSV	Vietnamese
10	TÔNG VĂN ĐẠT	P4	38	1	4		60	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC BAO	TD5	50	1	15		82	DVL	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN TIẾP	TD5	51	1	10		60	DVL	Vietnamese
13	BUI HUY BĂNG	TD5	48	1	12		65	DVL	Vietnamese
14	TRẦN VĂN THUẬT	TD5	47	1	10		72	DVL	Vietnamese
15	KIEU TUAN ANH	TD5	49	1	7		88	DVL	Vietnamese
16	TRẦN ĐỨC THUAN	TD5	54	1	5		79	PSV	Vietnamese
17	ĐÌNH VĂN THẮNG	TD5	55	1	4		72	PSV	Vietnamese
18	ĐÌNH VĂN HOÀI	TD5	53	1	3	40	65	PSV	Vietnamese
19	PHI TRƯỞNG SƠN	TD5	58	1	7		72	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN LUƠNG SƠN	TD5	56	1	5		70	PSV	Vietnamese
21	VU ĐÌNH HỘI	TD5	52	1	5		75	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐĂNG NAM	TD5	57	1	5		68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	10	8	43	666	20	10		
2	TD5	12	12	88	868	40	12		
TOTAL		22	20	131	1.534	60	22		
WEIGHT KG				131	1.534	60			

GRAND TOAL: 1.725 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/03/2019	TO: TD1 - P1 - TD2	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:35
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Khang - MTHAO - Trường	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CAO ĐẮC DÂN	TD1	60-61	2	16		70	CODIEN	Vietnamese
2	LÊ HUY BẮC	TD1	59	1	10		70	CODIEN	Vietnamese
3	VŨ TRỌNG NGHĨA	TD1	52	1	6		70	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYỄN KHANH HUNG	TD1	62	1	8		69	CODIEN	Vietnamese
5	HUYNH VĂN HẾT	TD1	57-58	2	9		63	CODIEN	Vietnamese
6	PHẠM THẾ LONG	TD1	55	1	10		74	CODIEN	Vietnamese
7	THAI VIỆN	TD1	56	1	10		52	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐÌNH LÝ	TD1	53	1	10	17	79	XAYLAP	Vietnamese
9	VŨ TRỌNG HUNG	P1	07	1	9		76	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN LỢI	P1	20-21	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
11	HOANG ĐÌNH HÒA	P1	13-14	2	20	10	65	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN TUÂN	P1	10	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG	P1	11-12	2	15		53	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐÌNH ĐỨC THIÊN	P1	22	1	15		60	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN MINH TÀI	P1	16-17	2	8		70	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN VIỆT ĐỨC	P1	18-19	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
17	HÀ THAI QUỐC	P1	08-09	2	16		71	XAYLAP	Vietnamese
18	PHẠM VĂN HIỆP	P1	05	1	6		79	PSV	Vietnamese
19	LÊ HỒNG MINH	P1	06	1	5		70	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN KHANH CHÂN	P1					55	PSV	Vietnamese
21	PHAN SỸ HOÀN	P1	04	1	5		66	PSV	Vietnamese
22	NG THỊ KIM TUYẾN	P1	02-03	2	13		62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	8	10	79	547	17	1	6	CHUYEN 6 PAX TU TD1 SANG TD2
2	P1	14	20	159	922	10	13		
3	TD2	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	30	238	1.469	27	14		
WEIGHT KG				238	1.469	27			

GRAND TOAL: 1.734 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/03/2019	TO: P3 - VSP01 - PVD6	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: TTrung - Vận - PTUÂN	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HA KIM LINH	P3	03	1	5		46	GETRACO	Vietnamese
2	VU VIET SON	P3	04	1	5		57	GETRACO	Vietnamese
3	HUYNH VAN DUOC	PVD6	07	1	9		70	KHOAN	Vietnamese
4	LE VAN TRUONG	PVD6	10	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
5	DO DUC NGOC	PVD6	25	1	12		70	KHOAN	Vietnamese
6	HO TRONG DONG	PVD6	06	1	10		77	KHOAN	Vietnamese
7	NGO VAN CUONG	PVD6	11	1	12		68	KHOAN	Vietnamese
8	PHAM VAN HIEU	PVD6	12	1	3		73	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN THANH	PVD6	17	1	11		65	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN TAN THANH	PVD6	08-09	2	14		70	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN KHAC TU	PVD6	13-14	2	11		78	KHOAN	Vietnamese
12	TRINH TIEN DUNG	PVD6	20-21	2	18		83	KHOAN	Vietnamese
13	MANGALDEEP PAWAR	PVD6	26	1	7	15	76	KHOAN	Indian
14	PHAM VAN THAI	PVD6	18-19	2	18		82	KHOAN	Vietnamese
15	PRANAVKUMAR PANDYA	PVD6	23	1	7	20	72	KHOAN	Indian
16	NIYATI ISSARAPREEDA	PVD6	15-16	2	18		85	KHOAN	Thailand
17	NGUYEN HOA LAC	PVD6	22	1	12		73	KH-THAC	Vietnamese
18	CHAU NHAT BANG	PVD6	05	1	6	12	63	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	2	2	10	103	0	1		CHUYEN 2 PAX VSP01 SANG PVD6
2	VSP01	0	0	0	0	20	3	2	
3	PVD6	16	21	173	1.168	47	18		
TOTAL		18	23	183	1.271	67	22		
WEIGHT KG				183	1.271	67			

GRAND TOAL: 1.521 KGS

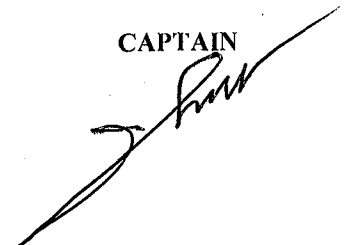
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/03/2019	TO: P2 - RP3	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:30
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: Hạnh - TUYỀN - MQUÂN	ETA: 13:10
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LƯU CÔNG THI	P2	37	1	15		63	CODIEN	Vietnamese
2	TRƯỜNG QUỐC THẠNG	P2	23	1	14	25	80	DVL	Vietnamese
3	ĐO VĂN HOÀNG	P2	38	1	8		58	XAYLAP	Vietnamese
4	PHÙNG THỂ TÀI	P2	27	1	15		60	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN QUANG SANG	P2	36	1	11		53	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN XUÂN TRƯỜNG	P2	32-33	2	10		75	XAYLAP	Vietnamese
7	BUI ĐÌNH THỌ	P2	39	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐINH VĂN DƯƠNG	P2	34-35	2	17		68	XAYLAP	Vietnamese
9	PHẠM TIẾN ĐĂNG	P2	30-31	2	15		53	XAYLAP	Vietnamese
10	PHẠM KIẾN TRÚC	P2	26	1	17		73	XAYLAP	Vietnamese
11	VŨ TUẤN ANH	P2	24-25	2	17		72	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN HAI TRUNG	P2	29	1	7		60	PSV	Vietnamese
13	TRẦN VĂN LỤC	P2	28	1	7		92	PSV	Vietnamese
14	ĐINH HOÀI ĐỨC	RP3					72	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN CHÍNH THI	RP3	72	1	5		73	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN HOÀNG NAM	RP3	69	1	5	15	70	KHI	Vietnamese
17	LÊ HOÀNG ANH	RP3	76	1	5	60	68	KHI	Vietnamese
18	NGÔ THANH LAM	RP3	73	1	4		70	KHI	Vietnamese
19	ĐẶNG HUY KHANH	RP3	68	1	10		70	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN ANH TUẤN	RP3	77-78	2	12		62	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN QUANG LINH	RP3	70-71	2	12		70	KHI	Vietnamese
22	NGUYỄN MINH TÀI	RP3	74-75	2	15		72	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	13	17	168	877	25	2		
2	RP3	9	11	68	627	75	14		
TOTAL		22	28	236	1.504	100	16		
WEIGHT KG				236	1.504	100			

GRAND TOAL: 1.840 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/03/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:15
FLIGHT: 01	TO: P2 - P6	CREW: Khang - MTHAO - Vũ	ETA: 16:40

ROUTE: VT - P2 - P6 - VT

No.	PAX.NAME	COMPANY	NATIONALITY	PASSPORT	TAG	BAG		BODY	
						PCS	KGS	W.T	
SECTOR 1 : VT - P2									
1	NIL					0	0		
	PAX OUT	0		PAX IN	13	WT:	0	0	0
SECTOR 2 : VT - P6									
2	KIRICHENKO		KHOAN	Russian		80	1	4	75
3	TO DINH TU		YTE	Vietnamese	151164238		0	0	67
4	NGUYEN THI NINH		YTE	Vietnamese	273251413		0	0	57
	PAX OUT	3		PAX IN	2	WT:	1	4	199
TOTAL		3							

FREIGHT

No.	FREIGHT DESCRIPTION	TAG	DEST.	QTY	WEIGHT (KGS)
1	SOS STRETCHER	81	P6	1	50
REMARK : REMOVE 06 SEATS FOR LOADNIG STRETCHER			PAX.WEIGHT		199
			BAG.WEIGHT		4
			CARGO WEIGHT		50
			TOTAL		253

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

CONFIRMED BY HLO (Name \$ signature)

1. TOTAL OF PAX

2. FREIGHT \$ BAG:

FINISHED: 00:00

FUEL